

Số: **59** /2025/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày **30** tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung các Quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Lào Cai ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1673/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lào Cai năm 2025 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và môi trường; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 506/TTr-SNNMT ngày 27 tháng 6 năm 2025.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Sửa đổi, bổ sung các Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung các Quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Lào Cai ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

(Chi tiết các Quyết định được sửa đổi, bổ sung theo Phụ lục số 1 đính kèm)

Điều 2. Sửa đổi tên các cơ quan, đơn vị, tổ chức và đơn vị hành chính

1. Trường hợp tên gọi của các đơn vị hành chính quy định trong các Quyết định của UBND tỉnh tại Phụ lục Điều 1 Quyết định này thay đổi do sắp xếp đơn vị hành chính theo các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, sẽ sử dụng tên gọi của đơn vị sau sắp xếp tương ứng.

2. Trường hợp tên gọi của các cơ quan, đơn vị quy định trong các Quyết định của UBND tỉnh tại Phụ lục Điều 1 Quyết định này thay đổi do sắp xếp bộ máy theo

quyết định của cấp có thẩm quyền sẽ sử dụng tên gọi của cơ quan, tổ chức sau sắp xếp tương ứng, gắn với chức năng, nhiệm vụ để tiếp tục thực hiện trách nhiệm theo quy định.

Điều 3. Sửa đổi một số nội dung chi tiết tại các quyết định

1. Sửa đổi khoản 4 Điều 5 của Quy định kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lào Cai như sau:

"4. UBND các xã, phường

a) Có trách nhiệm hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân lựa chọn cây trồng lâu năm thực hiện chuyển đổi đảm bảo hiệu quả, phù hợp điều kiện thực tế của địa phương;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch, báo cáo kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa tại địa phương theo quy định. Kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện, kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm quy định về chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa và xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa."

2. Sửa đổi một số điều của Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Ban hành quy định phân cấp quản lý, phê duyệt công bố công khai quy trình vận hành, phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai

a) Sửa đổi Điều 4 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 4. Phân cấp quản lý công trình thủy lợi

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu cho UBND tỉnh quản lý các công trình thủy lợi sau:

a) Công trình hồ chứa nước thủy lợi có chiều cao đập từ 10m trở lên hoặc có dung tích chứa nước từ 500.000 m³ trở lên;

b) Kênh, mương, xi phông, tuynel, cầu máng có lưu lượng trên 5m³/s hoặc chiều rộng đáy kênh trên 5m.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý các công trình thủy lợi trên địa bàn cấp xã, trừ các công trình quy định tại khoản 1 Điều này. Đối với công trình thủy lợi trên địa bàn 02 xã, phường trở lên: do Ủy ban nhân dân xã, phường có diện tích tưới lớn nhất của công trình thủy lợi đó quản lý."

b) Sửa đổi Điều 5 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 5. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành, phương án bảo vệ công trình thủy lợi quy định tại khoản 2 Điều 4 quy định này, trừ công trình thủy lợi nhỏ."

c) Bãi bỏ Điều 7 của Quy định kèm theo Quyết định

d) Sửa đổi Điều 8 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức quản lý các công trình thủy lợi được phân cấp quản lý.

2. Chịu trách nhiệm tiếp nhận, quản lý hồ sơ các công trình thủy lợi sau đầu tư; rà soát, cập nhật số liệu các công trình hiện có phục vụ công tác quản lý, khai thác, bảo trì công trình thủy lợi trên địa bàn.

3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị được giao quản lý công trình nằm trên địa bàn triển khai thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác, bảo trì công trình thủy lợi theo đúng thiết kế công năng.

4. Báo cáo UBND cấp tỉnh về kết quả thực hiện công tác quản lý, khai thác, bảo trì công trình thủy lợi được giao quản lý.

5. Chủ động bố trí nguồn ngân sách địa phương để chi cho bảo trì, sửa chữa nâng cấp, xử lý khắc phục sự cố và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại điểm a, c, d, đ, e, g, h khoản 2 và khoản 3 Điều 57 Luật Thủy lợi và điểm b khoản 7 Điều 14 Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018."

3. Sửa đổi một số điều của Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định về phân công trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa nước do tỉnh Lào Cai quản lý

a) Sửa đổi khoản 2 Điều 1 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"2. Đối tượng áp dụng: Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường (Ủy ban nhân dân cấp xã); các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến an toàn đập, hồ chứa nước; các chủ sở hữu công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh Lào Cai."

b) Sửa đổi điểm d khoản 2; khoản 4, khoản 7, khoản 8, khoản 14 Điều 3 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"d) Phương án ứng phó thiên tai trong quá trình thi công và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp trong giai đoạn vận hành đối với đập, hồ chứa và vùng hạ du đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn 02 xã, phường trở lên."

"4. Phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức cứu hộ đập, hồ chứa thủy lợi; đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biện pháp xử lý khẩn cấp, khắc phục hậu quả theo quy định trong trường hợp xảy ra sự cố mất an toàn đối với đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh."

"7. Tiếp nhận kê khai đăng ký an toàn đối với đập có chiều cao từ 10m trở lên và đập của hồ có dung tích chứa nước từ 500.000m³ trở lên; đồng thời tổng hợp báo cáo kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa thủy lợi toàn tỉnh, xây dựng cơ sở dữ liệu về thông số kỹ thuật, thông tin quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định."

"8. Định kỳ trước ngày 15 tháng 4 hằng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hiện trạng an toàn đập, hồ chứa trên địa bàn tỉnh."

"14. Tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa trên địa bàn tỉnh và cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa thủy lợi của Bộ Nông nghiệp và Môi trường."

c) Bãi bỏ Điều 4 của Quy định kèm theo Quyết định.

d) Sửa đổi Điều 5 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 5. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đập, hồ chứa thủy lợi

1. Ủy ban dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và phê duyệt theo thẩm quyền các nội dung sau:

a) Quy trình vận hành đập, hồ chứa thủy lợi có dung tích chứa nước từ 200.000 m³ đến dưới 500.000 m³.

b) Phương án bảo vệ đập, hồ chứa đối với đập, hồ chứa có chiều cao đập dưới 10m và có dung tích chứa nước dưới 500.000 m³.

c) Phương án ứng phó thiên tai trong quá trình thi công và phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp trong giai đoạn vận hành đối với đập, hồ chứa và vùng hạ du trên địa bàn xã, phường quản lý.

2. Tổ chức cứu hộ đập, hồ chứa và quyết định biện pháp xử lý khẩn cấp, khắc phục hậu quả theo quy định trong trường hợp xảy ra sự cố mất an toàn đối với đập, hồ chứa được giao quản lý.

3. Tiếp nhận kê khai đăng ký an toàn đối với đập, hồ chứa có chiều cao đập dưới 10m và dung tích chứa nước dưới 500.000 m³ trên địa bàn, tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường.

4. Chỉ đạo phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi trên địa bàn xã, phường trừ đập, hồ chứa quy định tại khoản 5 Điều 3 Quy định này.

5. Chỉ đạo phòng, ban chuyên môn tham gia ý kiến bằng văn bản vào quy trình bảo trì các hạng mục công trình của các đập, hồ chứa thủy lợi được UBND tỉnh phân cấp cho cấp xã quản lý đang khai thác chưa có quy trình bảo trì làm cơ sở để đơn vị khai thác phê duyệt.

6. Chỉ đạo phòng, ban chuyên môn xác định ranh giới, phạm vi quản lý, sử dụng công trình đập, hồ chứa trên địa bàn; thực hiện quản lý đất đai theo quy định của pháp luật.

7. Chỉ đạo cơ quan chức năng phối hợp kiểm tra việc thực hiện nội dung giấy phép đối với hoạt động trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn xã, phường quản lý.

8. Theo thẩm quyền thực hiện kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo về quản lý, khai thác, bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn xã, phường quản lý.

9. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, đơn vị có liên quan trong quản lý, khai thác, bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn xã, phường quản lý.

10. Cập nhật, chỉnh lý bản sao và quản lý hồ sơ bản đồ địa chính khoanh vùng phạm vi vùng phụ cận đối với đập thấp dưới 10m hoặc đập, hồ chứa có dung tích chứa nước dưới 500.000 m³.

11. Tổ chức tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai trong quá trình thi công, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp trong giai đoạn vận hành đối với đập, hồ chứa và vùng hạ du đập trên địa bàn 01 xã, phường.

12. Tiếp nhận thông tin từ tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa xử lý theo thẩm quyền, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cấp trên khi xảy ra tình huống khẩn cấp về đập, hồ chứa trên địa bàn.

13. Chỉ đạo, giám sát các hoạt động của tổ chức, cá nhân khai thác công trình đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn.

14. Thực hiện lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình đập, hồ chứa thủy lợi đầu tư xây dựng và đưa vào khai thác sử dụng trên địa bàn trong thời gian tối thiểu bằng tuổi thọ công trình (niên hạn sử dụng) theo quy định của pháp luật."

đ) Sửa đổi khoản 2, 5, 6, 7, 8, 10 Điều 8 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"2. Ủy ban nhân dân cấp xã theo phạm vi địa giới hành chính quản lý, căn cứ Kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt có trách nhiệm quyết định phê duyệt Phương án sử dụng đất, mặt nước trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa theo quy định của pháp luật."

"5. Chủ quản lý đập hồ chứa thủy lợi chủ trì, phối hợp với phòng, ban chuyên môn cấp xã nơi có hồ, đơn vị khai thác xây dựng Phương án sử dụng đất cho các hồ chứa thủy lợi được giao quản lý, trình Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét phê duyệt theo quy định.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hồ chứa thủy điện theo địa giới hành chính chủ trì phối hợp với Chủ sở hữu, đơn vị khai thác công trình thủy điện xây dựng Phương án sử dụng đất cho các hồ chứa thủy điện trên địa bàn, trình Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét phê duyệt.

7. Phòng, ban chuyên môn cấp xã chủ trì tiếp nhận hồ sơ Phương án sử dụng đất tổ chức thẩm tra, tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

8. Dự thảo Phương án sử dụng đất phải được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa trong thời hạn ba mươi (30) ngày để lấy ý kiến đóng góp của nhân dân, trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp xã xét duyệt."

"10. Phương án sử dụng đất sau khi được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phải được công bố công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước."

e. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 9 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"a) Đơn giá giao khoán đất, mặt nước trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước do Ủy ban nhân dân cấp xã quy định trên cơ sở giá đất nông nghiệp của địa phương."

g. Sửa đổi khoản 2 Điều 10 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện khắc phục hoặc dỡ bỏ hoặc di dời công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước trong trường hợp công trình đó ảnh hưởng đến an toàn, năng lực phục vụ của công trình đập, hồ chứa nước."

h) Sửa đổi khoản 1 Điều 12 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"1. Các sở, ngành, đơn vị của tỉnh theo chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp với, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra các nội dung quy định tại Quy định này và quy định pháp luật khác về quản lý, khai thác, sử dụng đảm bảo an toàn đập, hồ chứa nước hiện hành."

4. Sửa đổi một số điều của Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Lào Cai

a) Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 4 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"b) Biện pháp phòng cháy rừng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững cùng cấp, phối hợp với Hạt Kiểm lâm khu vực sở tại kiểm tra, đôn đốc việc phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn; hạn chế phát, đốt thực bì trong sản xuất nông, lâm nghiệp; tăng cường tuyên truyền, cảnh báo về cháy rừng. Các cơ quan, đơn vị chức năng, chủ rừng bố trí lực lượng trực (mỗi ca trực từ 02 người trở lên), đảm bảo 10/24 giờ trong ngày (từ 10 giờ đến 20 giờ) tại trụ sở, các khu vực có nguy cơ cháy rừng cao. Các chủ rừng thường xuyên kiểm tra, đôn đốc lực lượng canh phòng và lực lượng nhận khoán bảo vệ rừng tổ chức canh phòng, tuần tra, nhất là tại các khu rừng dễ cháy. Khi xảy ra cháy rừng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được quyền huy động lực lượng, phương tiện trên địa bàn tham gia chữa cháy theo quy định."

b) Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 4 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"b) Biện pháp phòng cháy rừng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững cùng cấp trực tiếp chỉ đạo việc phòng cháy, chữa cháy rừng tại địa phương; quản lý, cấm đốt nương, đốt xử lý thực bì, các hoạt động có sử dụng lửa trong rừng, ven rừng trên địa bàn. Các chủ rừng và lực lượng kiểm lâm thường xuyên kiểm tra nghiêm ngặt trên các vùng trọng điểm dễ cháy. Lực lượng trực, canh phòng (mỗi ca trực từ 02 người trở lên), đảm bảo trực 12/24 giờ trong ngày (từ 9 giờ đến 21 giờ), kịp thời phát hiện điểm cháy, báo động và huy động lực lượng, phương tiện dập tắt đám cháy ngay. Hạt Kiểm lâm khu vực sở tại theo dõi, nắm chắc tình hình khí tượng, thủy văn để dự báo, thông báo thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng về cấp cháy, tình hình cháy rừng hàng ngày ở địa phương. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị UBND tỉnh tăng cường lực lượng, phương tiện chữa cháy khi cần thiết."

c) Sửa đổi điểm b khoản 5 Điều 4 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"b) Biện pháp phòng cháy rừng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp chỉ đạo việc phòng cháy, chữa cháy rừng đối với Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững các cấp, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Kiểm lâm, UBND cấp xã và các chủ rừng. Thường xuyên thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về cấp cháy, nguy cơ cháy rừng, quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng; tuyệt đối cấm đốt nương, đốt dọn thực bì trong sản xuất nông, lâm nghiệp, các hoạt động có sử dụng lửa trong rừng, ven rừng. Ban chỉ đạo các cấp tăng cường kiểm tra, đôn đốc thực hiện phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn, nhất là các vùng trọng điểm cháy rừng; lực lượng trực, canh phòng của các cấp và chủ rừng

(mỗi ca trực từ 02 người trở lên) đảm bảo trực 24/24 giờ trong ngày, tăng cường tuần tra, kiểm soát người và phương tiện vào rừng, phát hiện kịp thời điểm cháy, báo động và khẩn trương huy động lực lượng, phương tiện dập tắt ngay đám cháy. Tổ chức chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy rừng theo phân cấp, phương châm 4 tại chỗ, đảm bảo khẩn trương, triệt để, an toàn, hiệu quả; thực hiện thông tin, báo cáo cháy rừng kịp thời, đúng quy định. Khi cần thiết, Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Trung ương chỉ viện lực lượng và phương tiện chữa cháy rừng."

d) Sửa đổi khoản 1 Điều 5 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"1. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng được tính cho 04 tiểu vùng sinh thái

a) Tiểu vùng 1: Tiểu vùng núi cao Hoàng Liên Sơn bao gồm: phường Sa Pa; các xã: Mường Bo, Tả Van, Bản Hồ, Tả Phìn, Ngũ Chỉ Sơn, Bát Xát, Mường Hum, Dền Sáng, Ý Tý, A Mú Sung, Trịnh Tường, Bản Xèo.

b) Tiểu vùng 2: Tiểu vùng thung lũng sông Hồng, sông Chảy, bao gồm: các phường: Lào Cai, Cam Đường; các xã: Cốc San, Hợp Thành, Bảo Thắng, Phong Hải, Xuân Quang, Tàng Loỏng, Gia Phú, Bảo Yên, Nghĩa Đô, Thượng Hà, Xuân Hòa, Phúc Khánh, Bảo Hà, Văn Bàn, Võ Lao, Khánh Yên, Dương Quý, Chiềng Ken, Bảo Nhai, Cốc Lầu.

c) Tiểu vùng 3: Tiểu vùng thượng sông Chảy, bao gồm các xã: Mường Khương, Pha Long, Bản Lầu, Cao Sơn, Si Ma Cai, Sín Chéng, Bắc Hà, Bản Liên, Tả Cù Tỷ, Lũng Phình.

d) Tiểu vùng 4: Tiểu vùng khí hậu khu vực Khu bảo tồn thiên nhiên Hoàng Liên - Văn Bàn, bao gồm các xã: Minh Lương, Nậm Chày, Nậm Xé.

đ) Sửa đổi khoản 3 Điều 7 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"3. Ủy ban nhân dân các xã, phường; Báo Lào Cai và các đơn vị liên quan có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến các quy định về cấp dự báo cháy rừng, triển khai các biện pháp phòng cháy rừng tại Điều 4 của Quy định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn vướng mắc hoặc phát sinh các vấn đề mới cần sửa đổi, bổ sung, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./."

5. Bổ sung khoản 2 sau khoản 2 Điều 2 của Quyết định số 34/2025/QĐ-UBND ngày 15/3/2025 của UBND tỉnh Lào Cai Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Lào Cai như sau:

"3. Đối với các tuyến đường, phố, ngõ, vị trí, khu vực, giá đất có thay đổi địa giới hành chính theo quy định tại Nghị quyết Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 nhưng tên đơn vị hành chính tại các phụ lục trong bảng giá đất chưa được điều chỉnh thì áp dụng theo tên đường, phố, ngõ, vị trí, khu vực, giá đất xác định theo bảng giá đất đã ban hành."

6. Sửa đổi một số điều của Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 28/2/2025 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định cụ thể các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất, mức độ chênh lệch tối đa của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất và một số chỉ tiêu ước tính tổng doanh thu phát triển, tổng chi phí phát triển của thửa đất, khu đất thực hiện dự án trong xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Lào Cai

a) Sửa đổi khoản 2 Điều 4 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"2. Cơ quan thành viên Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; tổ chức tư vấn xác định giá đất và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện theo quy định; đơn vị sự nghiệp công có chức năng tư vấn xác định giá đất; Tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ xác định giá đất cụ thể chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, khách quan của kết quả tư vấn định giá đất theo quy định tại khoản 2 Điều 162 Luật Đất đai năm 2024."

b) Sửa đổi khoản 1, khoản 3 Điều 5 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"1. Các sở, ngành: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tư pháp, Thanh tra tỉnh, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh; Chi cục Thuế vùng VIII; Ủy ban nhân dân xã, phường; tổ chức tư vấn xác định giá đất và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định này."

"3. Trong quá trình triển khai thực hiện, căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp."

c) Sửa đổi Mục b, c, khoản 1 Phụ lục IV kèm theo Quyết định như sau:

"b) Tỷ lệ lấp đầy đối với các dự án thương mại, dịch vụ (không phải dự án xây dựng khách sạn)

Vị trí, địa điểm triển khai dự án	Tổng diện tích sàn dưới 15.000 m ²	Tổng diện tích sàn từ 15.000 m ² đến 40.000 m ²	Tổng diện tích sàn từ trên 40.000 m ² đến 70.000 m ²	Tổng diện tích sàn trên 70.000 m ²
Phường Cam Đường, Phường Lào Cai, Phường Sa Pa	Năm đầu không phát sinh doanh thu; tỷ lệ lấp đầy các năm còn lại từ 70% đến 90%	Hai năm đầu không phát sinh doanh thu; tỷ lệ lấp đầy các năm còn lại từ 65% đến 90%	Ba năm đầu không phát sinh doanh thu; tỷ lệ lấp đầy các năm còn lại từ 60% đến 90%	Bốn năm đầu không phát sinh doanh thu; tỷ lệ lấp đầy các năm còn lại từ 55 % đến 90%
Các xã còn lại	Năm đầu không phát sinh doanh thu; tỷ lệ lấp đầy các năm còn lại từ 60% đến 90%	Hai năm đầu không phát sinh doanh thu; tỷ lệ lấp đầy các năm còn lại từ 55% đến 90%	Ba năm đầu không phát sinh doanh thu; tỷ lệ lấp đầy các năm còn lại từ 50% đến 90%	Bốn năm đầu không phát sinh doanh thu; tỷ lệ lấp đầy các năm còn lại từ 45% đến 90%

"c) Tỷ lệ lấp đầy đối với các dự án thương mại, dịch vụ xây dựng khách sạn

Vị trí, địa điểm triển khai dự án	Tổng diện tích sàn dưới 15.000 m ²	Tổng diện tích sàn từ 15.000 m ² đến 40.000 m ²	Tổng diện tích sàn từ trên 40.000 m ² đến 70.000 m ²	Tổng diện tích sàn trên 70.000 m ²
-----------------------------------	---	---	--	---

Phường Cam Đường, Phường Lào Cai, Phường Sa Pa	Năm đầu không phát sinh doanh thu; tỷ lệ lấp đầy các năm còn lại từ 30% đến 75%.	Hai năm đầu không phát sinh doanh thu; tỷ lệ lấp đầy các năm còn lại từ 30% đến 75%.	Ba năm đầu không phát sinh doanh thu; tỷ lệ lấp đầy các năm còn lại từ 25% đến 75%.	Bốn năm đầu không phát sinh doanh thu; tỷ lệ lấp đầy các năm còn lại từ 25 % đến 75%.
Các xã còn lại	Năm đầu không phát sinh doanh thu; tỷ lệ lấp đầy các năm còn lại từ 20% đến 75%."	Hai năm đầu không phát sinh doanh thu; tỷ lệ lấp đầy các năm còn lại từ 20% đến 75%.	Ba năm đầu không phát sinh doanh thu; tỷ lệ lấp đầy các năm còn lại từ 20% đến 75%.	Bốn năm đầu không phát sinh doanh thu; tỷ lệ lấp đầy các năm còn lại từ 20% đến 75%.

7. Sửa đổi một số điều của Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai

a) Sửa đổi Điều 3 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Đô thị: Gồm các phường

2. Nông thôn: Gồm các xã

b) Sửa đổi điểm a khoản 1; khoản 2, khoản 4 Điều 4 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"1. Điều kiện:

a) Trên địa bàn cấp xã có quỹ đất, quỹ nhà để bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở;"

"2. Tỷ lệ quy đổi bồi thường bằng nhà ở: Căn cứ quỹ nhà ở trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho từng dự án cụ thể."

"4. Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và có đủ quỹ đất để đáp ứng các đối tượng đủ điều kiện trong một dự án có đất thu hồi tại Khoản 1 Điều này, có trách nhiệm xây dựng và phê duyệt trong phương án bồi thường."

c) Sửa đổi khoản 2, 3 Điều 7 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"2. Đơn giá mộ xây tại khoản 1 Điều này áp dụng đối với các mộ có mức hoàn thiện trung bình (xây gạch, trát vữa xi măng bình thường) theo quy định về Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng và bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt khi nhà nước thu hồi đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Các trường hợp có mức hoàn thiện cao hơn thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư căn cứ thực tế đề xuất mức bồi thường cụ thể gửi Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

3. Đối với mộ vô chủ thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư căn cứ điều kiện thực tế lập phương án di dời gửi UBND cấp xã thẩm định, phê duyệt trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc."

d) Sửa đổi khoản 3; bãi bỏ khoản 4 Điều 9 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"3. UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc có trách nhiệm thẩm định phương án bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập."

đ) Sửa đổi khoản 2 Điều 11 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hoặc do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản từ các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh, hợp tác xã nông nghiệp và có hợp đồng giao khoán sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho từng trường hợp cụ thể; mức hỗ trợ tối đa không vượt quá mức hỗ trợ quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này."

e) Sửa đổi điểm d khoản 1; khoản 3 Điều 17 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"đ) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm khảo sát, lập, thẩm định và phê duyệt phương án giao đất tái định cư trước khi thực hiện thu hồi đất; vị trí, diện tích của thửa đất tái định cư được xác định theo quy hoạch khu tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt."

"3. Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ nhà mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở theo quy định tại Khoản 2 Điều 15 Quy định này hoặc hỗ trợ thuê nhà ở xã hội. Thời gian hỗ trợ tối đa không quá 6 (sáu) tháng."

g) Sửa đổi khoản 2, khoản 4, khoản 6 Điều 18 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"2. Việc xác định phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định tại Khoản 1 Điều này do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi thực hiện và phải được lập thành biên bản để làm căn cứ thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư."

"4. Trường hợp phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này tiếp giáp với phần diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng, thì hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi được chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích đất nông nghiệp đó sang đất ở; tổng diện tích đất ở còn lại sau thu hồi và diện tích đất nông nghiệp thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất phải đảm bảo lớn hơn hoặc bằng diện tích tối thiểu được phép tách thành thửa đất ở mới theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh; việc chuyển mục đích sang đất ở phù hợp với quy hoạch sử

dụng đất cấp xã hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Nhà nước bồi thường bằng tiền cho phần diện tích đất ở thu hồi do không đủ điều kiện để ở, không bồi thường bằng đất ở tái định cư. Hộ gia đình, cá nhân khi chuyển mục đích sử dụng đất phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất. Trường hợp phải tách thửa đất nông nghiệp để chuyển mục đích sử dụng đất, thì được phép tách thửa theo diện tích thực tế chuyển mục đích sử dụng đất."

"6. Các trường hợp khác chưa có trong bản quy định này, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết đối với từng trường hợp cụ thể."

h) Sửa đổi khoản 2, khoản 3 Điều 19 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"2. Chỉ thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất nông nghiệp còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để tiếp tục sử dụng (theo quy định tại khoản 1 Điều này) khi người sử dụng đất có đơn đề nghị thu hồi đất.

Việc xác định phần diện tích đất nông nghiệp còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để tiếp tục sử dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều này do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi thực hiện và phải được lập thành biên bản để làm căn cứ thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ theo quy định."

3. Trường hợp diện tích đất trồng lúa, đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm còn lại sau thu hồi bị ảnh hưởng do triển khai thực hiện dự án nhưng có thể cải tạo đất để tiếp tục sản xuất hoặc không thể tiếp tục sử dụng theo mục đích sử dụng được giao, nhưng có thể chuyển sang sử dụng theo các mục đích đất nông nghiệp khác, thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định."

i) Sửa đổi khoản 4 và bãi bỏ khoản 5 Điều 21 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi:

a) Tổ chức, vận động, tuyên truyền về chủ trương, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật đất đai và các quy định hiện hành trên địa bàn tỉnh;

b) Thực hiện việc thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai năm 2024 và quy định này; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về việc thông báo thu hồi đất, thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp cấp xã thực hiện;

c) Chỉ đạo đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

d) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tuyên truyền về mục đích thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án đầu tư; vận

động người có đất bị thu hồi chấp hành chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

d) Xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất và thời gian sử dụng đất ổn định vào một mục đích đến thời điểm thu hồi đất; tình trạng sử dụng đất (đất sử dụng ổn định, tranh chấp, lấn chiếm đất...); thời gian hình thành nhà ở, tài sản, vật kiến trúc trên đất thu hồi; tổng diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng và tỷ lệ (%) đất nông nghiệp bị thu hồi; số nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp/không trực tiếp sản xuất nông nghiệp; hộ cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi; hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở theo quy định tại Khoản 5 Điều 111 Luật Đất đai năm 2024; đất ở, nhà ở khác trên địa bàn xã, phường nơi có đất thu hồi; xác nhận và cung cấp hồ sơ các trường hợp đã xử lý vi phạm hành chính về đất đai, xây dựng (nếu có). Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các kết quả xác nhận nêu trên;

e) Phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất hoặc Tổ công tác trực tiếp làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện đo đạc đất đai, kiểm đếm tài sản, cây cối, hoa màu trên đất."

k) Sửa đổi Điều 23 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn thực hiện quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc; những nội dung chưa phù hợp hoặc mới phát sinh thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./."

8. Sửa đổi một số điều của Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ, thời điểm xem xét để tách thành dự án độc lập đối với phần diện tích đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý trong khu vực thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai

a) Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 3 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"2. Điều kiện, tiêu chí

a) Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch chung, hoặc quy hoạch phân khu được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;"

b) Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 3 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"a) Đối với các dự án sử dụng đất thương mại, dịch vụ:

Đối với các dự án thực hiện tại địa bàn phường Lào Cai, phường Cam Đường và phường Sa Pa: Tỷ lệ phần diện tích đất đủ điều kiện tách thành dự án độc lập là từ 25% (hai mươi lăm phần trăm) trở lên so với tổng diện tích khu đất đề xuất thực hiện dự án và có diện tích tối thiểu là 1.000 m² (một nghìn mét vuông);

Đối với các dự án thực hiện tại địa bàn các xã còn lại: Tỷ lệ phần diện tích đất đủ điều kiện tách thành dự án độc lập là từ 30% (ba mươi phần trăm) trở lên so với

tổng diện tích khu đất đề xuất thực hiện dự án và có diện tích tối thiểu là 2.000 m² (hai nghìn mét vuông); đối với trường hợp dự án nằm trên địa giới hành chính hai xã, phường trở lên, trong đó có một địa bàn là phường Lào Cai hoặc phường Cam Đường hoặc phường Sa Pa thì áp dụng quy mô, tỷ lệ diện tích đất như tại địa bàn phường Lào Cai, phường Cam Đường, phường Sa Pa."

c) Sửa đổi Điều 5 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

a) Chủ trì, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh các nội dung liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định khi tham mưu thủ tục chấp thuận hoặc điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này;

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện Quy định này;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Tài chính, Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh về các dự án đủ điều kiện, tiêu chí, quy mô và tỷ lệ diện tích đất để tách phần diện tích đất quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này thành dự án độc lập;

c) Chủ trì hướng dẫn các cơ quan có liên quan, nhà đầu tư thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và tổ chức xác định giá đất theo thẩm quyền và quy định pháp luật hiện hành.

3. Trách nhiệm của các sở, ngành có liên quan

Tham gia ý kiến các nội dung liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của ngành khi có văn bản của Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh đề nghị xác định các dự án đủ điều kiện, tiêu chí, quy mô và tỷ lệ diện tích đất để tách phần diện tích đất thành dự án độc lập.

4. Trách nhiệm của UBND xã, phường

a) Tham gia ý kiến các nội dung liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của địa phương khi có văn bản của Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế đề nghị xác định các dự án đủ điều kiện, tiêu chí, quy mô và tỷ lệ diện tích đất để tách phần diện tích đất thành dự án độc lập;

b) Xác nhận nguồn gốc, loại đất, chủ sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật.

5. Nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án có trách nhiệm phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan có liên quan rà soát nguồn gốc đất và triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật và Quy định này."

d) Sửa đổi khoản 2, khoản 3 Điều 7 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"2. Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Chỉ huy trưởng Cục thuế khu vực VIII; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Chủ

tịch UBND các xã, phường và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra và đôn đốc thực hiện theo đúng Quy định này."

"3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để nghiên cứu, tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./."

9. Sửa đổi một số điều của Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với các hành vi hủy hoại đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai

a) Bãi bỏ khoản 4 Điều 6, sửa đổi khoản 1, khoản 3 Điều 6 như sau:

"1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến Quyết định này để kịp thời triển khai thực hiện."

"3. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường.

a) Tổ chức thực hiện việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, áp dụng mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với các vi phạm theo đúng quy định, đúng thẩm quyền.

b) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh nếu để xảy ra tình trạng vi phạm pháp luật đất đai mà không kịp thời xử lý hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử lý."

10. Sửa đổi một số điều của Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thẩm định hồ sơ trình đề giao đất ở không đấu giá quyền sử dụng đất cho cá nhân trên địa bàn tỉnh Lào Cai

a) Sửa đổi khoản 2, bãi bỏ khoản 3 Điều 3 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"2. Cá nhân thuộc đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 124 Luật Đất đai năm 2024 có thời gian công tác tại cơ quan thuộc địa bàn cấp xã (nơi xin giao đất) tối thiểu là 05 năm."

b) Sửa đổi điểm a, điểm b, điểm d, khoản 1 Điều 4 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng xét duyệt giao đất ở không đấu giá quyền sử dụng đất cấp xã (sau đây gọi là Hội đồng xét duyệt), Hội đồng xét duyệt tổ chức cuộc họp để xét duyệt đối với từng trường hợp."

"b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xét duyệt, Hội đồng xét duyệt có văn bản thông báo kết quả thẩm định, lập danh sách các cá nhân được xét giao đất và tổ chức công khai, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có thửa đất để tiếp nhận ý kiến của tổ chức, cá nhân trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày công khai."

"d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Thông báo kết thúc niêm yết công khai, Hội đồng xét duyệt xác định cá nhân đủ điều kiện giao đất theo quy định thì Ủy ban nhân dân cấp xã, phường thực hiện giao đất."

c) Sửa đổi khoản 1 Điều 5 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm triển khai thực hiện quy định này bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về đất đai; bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, khách quan; định kỳ, trước ngày 01 tháng 12 hàng năm, Ủy ban nhân dân các xã, phường báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, Sở Nông nghiệp và Môi trường.

11. Sửa đổi một số điều của Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh ban hành hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại nông thôn, tại đô thị; hạn mức công nhận đất ở; hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang, không có tranh chấp; hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân; diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp đối với đất nông nghiệp kết hợp đa mục đích; điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất; hạn mức và quyết định diện tích đất giao cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh Lào Cai

a) Sửa đổi điểm điểm b khoản 2 Điều 4 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"b) Hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại các xã còn lại, có thửa đất tiếp giáp theo các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh, đường trục xã, đường liên xã không quá 200 m² (hai trăm mét vuông);"

b) Sửa đổi điểm a, điểm b, khoản 1 Điều 5 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"a) Trường hợp trong 01 (một) hộ gia đình có từ 04 (bốn) khẩu trở xuống, hạn mức được công nhận đất ở tại đô thị là 120 m² (một trăm hai mươi mét vuông); hạn mức được công nhận đất ở tại các thôn, tổ dân phố đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc thuộc phường là 180 m² (một trăm tám mươi mét vuông); hạn mức được công nhận đất ở tại các xã còn lại, có thửa đất tiếp giáp theo các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh, đường trục xã, đường liên xã thì hạn mức được công nhận đất ở tại đô thị là 200 m² (hai trăm mét vuông), hạn mức được công nhận đất ở tại các khu vực còn lại là 400 m² (bốn trăm mét vuông).

b) Trường hợp trong 01 (một) hộ gia đình có từ 05 (năm) khẩu trở lên, hạn mức công nhận đất ở như sau:

- Hạn mức công nhận đất ở được công nhận bằng hạn mức quy định tại điểm a khoản này: Cộng thêm 15 m² (mười lăm mét vuông) cho mỗi khẩu tăng thêm, tính từ khẩu thứ 05 (năm) đối với khu vực phường và các xã còn lại có thửa đất tiếp giáp theo các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh, đường trục xã, đường liên xã; cộng thêm

20 m² (hai mươi mét vuông) cho mỗi khẩu tăng thêm, tính từ khẩu thứ 05 (năm) đối với các khu vực còn lại;

- Hạn mức đất ở được công nhận cho 01 (một) hộ gia đình, cá nhân tối đa không quá 03 (ba) lần hạn mức quy định tại điểm a khoản này đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980; tối đa không quá 02 (hai) lần đối với trường hợp sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993."

c) Sửa đổi khoản 2 Điều 6 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"2. Đối với đất nông nghiệp trồng cây lâu năm tại phường cho cá nhân không quá 10 (mười) ha; các khu vực còn lại không quá 30 (ba mươi) ha."

d) Sửa đổi khoản 2 Điều 10 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"2. Đối với những nơi chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt.

Chỉ được phép tách thửa đất ở khi thửa đất ở mới hình thành có diện tích, kích thước tối thiểu như sau:

a) Đối với phường:

Các thửa đất sau khi tách thửa có cạnh tiếp giáp lối đi hiện có, chiều rộng lối đi tối thiểu là 3,5 mét và không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được kết nối với đường giao thông công cộng hiện có.

- Diện tích đất ở tối thiểu là 60 m² (sáu mươi mét vuông);

- Chiều rộng thửa đất không được nhỏ hơn 3,5 mét;

- Chiều sâu thửa đất không được nhỏ hơn 8 mét.

b) Đối với các xã có thửa đất tiếp giáp theo các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh, đường trục xã, đường liên xã:

- Diện tích đất ở tối thiểu là 80 m² (tám mươi mét vuông);

- Chiều rộng thửa đất không được nhỏ hơn 4 mét;

- Chiều sâu thửa đất không được nhỏ hơn 10 mét."

c) Đối với các khu vực còn lại:

Thửa đất tách thửa phải bảo đảm có lối đi; được kết nối với đường giao thông công cộng hiện có.

- Diện tích đất ở tối thiểu là 150 m² (một trăm lăm mươi mét vuông);

- Chiều rộng thửa đất không được nhỏ hơn 5 mét;

- Chiều sâu thửa đất không được nhỏ hơn 10 mét."

d) Sửa đổi Điều 11 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 11. Tách thửa đất đối với đất nông nghiệp

Việc tách thửa đối với đất nông nghiệp phải bảo đảm các nguyên tắc, điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 220 Luật Đất đai năm 2024 và điều kiện, diện tích tối thiểu; cụ thể như sau:

1. Tách thửa đất nông nghiệp đang sử dụng thành các thửa đất nông nghiệp mới:

a) Đối với phường:

Diện tích tối thiểu: 180 m² (một trăm tám mươi mét vuông) đối với đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản; 360 m² (ba trăm sáu mươi mét vuông) đối

với đất trồng cây lâu năm; 1.500 m² (một nghìn năm trăm mét vuông) đối với đất rừng sản xuất là rừng trồng.

b) Đối với các xã:

Diện tích tối thiểu: 240 m² (hai trăm bốn mươi mét vuông) đối với đất trồng cây hằng năm, đất nuôi trồng thủy sản; 480 m² (bốn trăm tám mươi mét vuông) đối với đất trồng cây lâu năm; 2.000 m² (hai nghìn mét vuông) đối với đất rừng sản xuất là rừng trồng.

2. Tách thửa đất nông nghiệp (đất nông nghiệp trong khu dân cư, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở) thành các thửa đất mới để chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở:

a) Tại khu vực nằm trong ranh giới quy hoạch chung đô thị, các thửa đất sau khi tách thửa phải đảm bảo phù hợp các điều kiện sau:

- Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng;

- Thửa đất tách thửa để chuyển mục đích sử dụng đất phải có một cạnh tiếp giáp với đường giao thông đã được đầu tư xây dựng hoàn thiện theo quy hoạch; đối với các tuyến đường hiện có phải đảm bảo chiều rộng đường theo quy hoạch.

- Diện tích thửa đất nông nghiệp tách thửa để chuyển mục đích sử dụng đất phải đảm bảo diện tích, kích thước tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy định này; thửa đất nông nghiệp còn lại sau khi tách thửa phải đảm bảo diện tích theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Tại các khu vực còn lại, các thửa đất sau khi tách thửa phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện sau:

- Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết;

- Diện tích thửa đất nông nghiệp tách thửa để chuyển mục đích sử dụng đất phải đảm bảo diện tích, kích thước tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy định này; thửa đất nông nghiệp còn lại phải đảm bảo diện tích theo quy định tại khoản 1 Điều này.

c) Đối với đất nông nghiệp tách thửa để chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp khác không phải là đất ở:

Diện tích tối thiểu được phép tách thành một thửa đất nông nghiệp mới từ các thửa đất đang sử dụng để chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp khác không phải là đất ở thực hiện theo dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với tổ chức; phương án sử dụng đất đã được UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định đối với hộ gia đình, cá nhân.

3. Tách thửa đất nông nghiệp là đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm đồng thời với tách thửa đất ở; tách thửa đất nông nghiệp là đất trồng cây hằng năm, đất trồng cây lâu năm trong cùng thửa đất có nhà ở đồng thời với tách thửa, hợp thửa đất ở trên cơ sở diện tích thực tế đang sử dụng, phải đảm bảo diện tích tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều này."

e) Sửa đổi Điều 13 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 13. Hạn mức giao đất cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc để xây dựng cơ sở tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc và các công trình tôn giáo hợp pháp khác trên địa bàn tỉnh

1. Đối với những nơi đã có quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng

Hạn mức giao đất cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc để xây dựng cơ sở tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc và các công trình tôn giáo hợp pháp khác trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy hoạch đồng thời không vượt quá chỉ tiêu sử dụng đất tôn giáo trên địa bàn cấp xã, cấp tỉnh đã được phân bổ.

2. Đối với những nơi chưa có quy hoạch xây dựng

Hạn mức tối thiểu là 1.000 m² (một nghìn mét vuông); tối đa là 5.000 m² (năm nghìn mét vuông) đồng thời không vượt quá chỉ tiêu sử dụng đất tôn giáo trên địa bàn cấp xã, cấp tỉnh đã được phân bổ.

3. Đối với cơ sở tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc và các công trình tôn giáo hợp pháp của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xếp hạng thì căn cứ theo quỹ đất, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất hằng năm, quy hoạch xây dựng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ xem xét, quyết định diện tích đất giao cho từng trường hợp cụ thể."

12. Sửa đổi một số điều của Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định việc rà soát, công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt trên địa bàn tỉnh Lào Cai

a) Sửa đổi Điều 3 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 3. Rà soát, lập danh mục và dự thảo phương án sử dụng các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý

Hàng năm, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 47 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ:

1. Ủy ban nhân dân cấp xã; Tổ chức trong nước được giao quản lý quỹ đất đã thu hồi theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm c, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 7 Luật Đất đai năm 2024 thực hiện rà soát các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý và lập danh sách các thửa đất trước ngày 30/6 hàng năm.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thực hiện đo đạc, xác định hiện trạng sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị và quy hoạch nông thôn, thống nhất danh mục (Theo Mẫu số 01 kèm theo Quy định này) và xây dựng phương án sử dụng các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý (Theo mẫu số 03 kèm theo quy định này) theo khoản 2 Điều 47 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ; xử lý vi phạm pháp luật về đất đai, trật tự xây dựng (nếu có)."

b) Sửa đổi Điều 4 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 4. Công bố công khai, lấy ý kiến người dân về danh mục và dự thảo phương án sử dụng đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt tại địa phương

Căn cứ danh mục và phương án sử dụng đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý theo quy định tại Điều 3 quy định này; Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức công khai danh mục và phương án sử dụng đất các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý để lấy ý kiến người dân cụ thể như sau:

1. Hình thức công khai.

- a) Công khai trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã.
- b) Niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý.
- c) Thời gian công khai, niêm yết là 07 (bảy) ngày.

2. Lấy ý kiến người dân nơi có đất. Kết thúc thời gian công khai, niêm yết, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến người dân nơi có đất bằng hình thức họp trực tiếp, kết quả lấy ý kiến được thể hiện bằng biên bản (Theo Mẫu số 04 kèm theo quy định này).

3. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến trực tiếp người dân nơi có đất, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm giải quyết các ý kiến, kiến nghị liên quan theo thẩm quyền (nếu có)."

c) Sửa đổi Điều 5 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 5. Phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án sử dụng đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý

1. Trong thời gian không quá 10 (mười) ngày làm việc Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt danh mục và phương án sử dụng đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý (Theo mẫu số 02 và mẫu số 03 kèm theo quy định này).

2. Căn cứ Quyết định phê duyệt danh mục, phương án sử dụng đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý để giao đất, cho thuê đất cho người sử dụng đất liền kề của Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho người sử dụng đất liền kề có nhu cầu sử dụng đất nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất.

a. Trường hợp người xin giao đất, xin thuê đất là cá nhân, cộng đồng dân cư thì thực hiện việc giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân theo Quy trình QT-02 ban hành kèm theo Quyết định số 2471/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt 21 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai áp dụng thực hiện tại UBND cấp xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai.

b. Trường hợp người xin giao đất, xin thuê đất là tổ chức thì thực hiện việc giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ

chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao theo Quy trình QT-02 ban hành kèm theo Quyết định số 2413/QĐ-UBND ngày 24/9/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt 41 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai."

d) Bãi bỏ Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

đ) Bãi bỏ khoản 3; sửa đổi tên Điều và các khoản 1, 4, 5 Điều 8 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 8. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã"

"1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc quản lý, sử dụng các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý theo đúng quy định của pháp luật và Quy định này.

b) Căn cứ kết quả báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình quản lý, sử dụng đất quỹ đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.

c) Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

d) Tổng hợp những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chỉ đạo."

"4. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức quản lý các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

b) Lập, phê duyệt, công bố, công khai danh mục và phương án sử dụng đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý theo đúng quy định hiện hành.

c) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật trong việc quản lý, sử dụng đối với quỹ đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý; tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý kịp thời theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình quản lý, sử dụng quỹ đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý.

d) Hàng năm (trước ngày 15/12 hàng năm), tổng hợp báo cáo kết quả phê duyệt danh mục thửa đất nhỏ hẹp; kết quả giao đất, cho thuê đất các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường)."

"5. Tổ chức được giao quản lý quỹ đất thu hồi

a) Chịu trách nhiệm quản lý, không để lấn chiếm đối với quỹ đất được giao quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung đã được giao theo Quy định này."

13. Sửa đổi một số điều của Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số nội dung về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai

a) Sửa đổi điểm b khoản 6 Điều 4 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"b. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để xác định vị trí, quy mô tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết phù hợp, bảo đảm an toàn giao thông;"

b) Sửa đổi khoản 3 Điều 5 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"3. Thời gian hoạt động: Buổi sáng từ 07 giờ đến 10 giờ 30 phút; Buổi chiều từ 17 giờ đến 23 giờ đối với phương tiện vận chuyển chất thải sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư khu công nghiệp, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng mà phương tiện vận chuyển chất thải sinh hoạt có hành trình đi qua các tuyến đường thuộc khu vực đô thị. Các khu vực còn lại thì thời gian hoạt động vận chuyển phù hợp với điều kiện thực tế của các địa phương."

c) Sửa đổi khoản 2 Điều 7 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"2. Đối với các vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa do tỉnh Lào Cai quản lý thì thực hiện theo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, giấy phép môi trường do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Các yêu cầu chung về khu vực, địa điểm đổ thải khi xem xét thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai như sau:

a) Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch khác của địa phương;

b) Đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường theo quy định;

c) Có điều kiện địa chất, thủy văn phù hợp; không nằm trong khu vực thường xuyên bị ngập sâu trong nước; không nằm ở vị trí đầu nguồn nước;

d) Có vị trí thuận lợi để đảm bảo việc thu gom vật chất từ hoạt động nạo vét đường thủy nội địa."

d) Sửa đổi khoản 3 Điều 10 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"3. Thời gian vận chuyển chất thải nguy hại đối với phương tiện vận chuyển có hành trình đi qua các tuyến đường thuộc khu vực đô thị được thực hiện từ 19 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau, trường hợp vận chuyển đột xuất phải báo cáo với Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã nơi thực hiện dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh. Các khu vực còn lại thời gian hoạt động phù hợp với điều kiện thực tế của các địa phương."

đ) Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 11 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan lập, thực hiện điều tra, xây dựng dự thảo kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh và trình UBND tỉnh ban hành. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm."

2. Trường hợp chất lượng môi trường không khí bị ô nhiễm nghiêm trọng trên phạm vi nội tỉnh khi chỉ số chất lượng môi trường không khí Việt Nam (VN-AQI)

ngày có giá trị từ 301 trở lên theo kết quả của các trạm quan trắc môi trường Quốc gia, địa phương trong thời gian 03 ngày liên tục, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện biện pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP."

e) Bãi bỏ khoản 7 Điều 15 và sửa đổi điểm c, g, h khoản 1 Điều 15 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"c) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan và UBND các xã, phường rà soát và tổng hợp kết quả rà soát, phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh và kho tàng đang hoạt động trên địa bàn tỉnh không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chỉ đạo. Thời gian xong trước ngày 30 tháng 12 năm 2026;"

"g) Phối hợp các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường có liên quan thực hiện kiểm tra việc thực hiện các về quy định bảo vệ môi trường trong các hoạt động quản lý hệ thống thủy lợi, đê điều, nước sạch khu vực nông thôn, kinh doanh và sử dụng phân bón, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản, chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm, chôn lấp, tiêu hủy động vật."

"h) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật, trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường; xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;"

g) Sửa đổi Điều 16 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 16. Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

1. Có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quy định tại khoản 3 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

2. Thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường khi được phân cấp, ủy quyền theo quy định pháp luật;

3. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường; vận động, hướng dẫn nhân dân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa; hướng dẫn bổ sung các nội dung về bảo vệ môi trường vào trong hương ước, quy ước của các thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn; vận động các hộ sản xuất kinh doanh ký kết, thực hiện cam kết bảo vệ môi trường;

4. Địa phương nào để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các nội dung, địa bàn thuộc thẩm quyền, phạm vi quản lý của mình."

h) Sửa đổi khoản 5 Điều 19 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"5. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xây dựng hệ thống trực tuyến tiếp nhận, xử lý, trả lời phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường."

14. Sửa đổi một số điều của Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Lào Cai

a) Sửa đổi Điều 2 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"1. Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính về đất đai có nội dung xác định nghĩa vụ tài chính (*sau đây viết tắt là thủ tục hành chính*), gồm: Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch của Sở Nông nghiệp và Môi trường); Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã;

2. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính gồm: Cơ quan có chức năng quản lý đất đai; Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; Sở Tài chính; cơ quan Thuế; Ủy ban nhân dân cấp xã."

b) Sửa đổi Điều 5 của Quy định kèm theo Quyết định

- Sửa đổi điểm a, điểm b khoản 1 như sau:

"a) Tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Thông tin Dịch vụ công tỉnh hoặc gửi qua đường dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp cho Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ, số hóa và Trả kết quả Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch của Sở Nông nghiệp và Môi trường); cá nhân, cộng đồng dân cư nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã;"

"b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính đầy đủ, thống nhất thông tin của hồ sơ, ghi đầy đủ thông tin vào Sổ tiếp nhận hồ sơ, trao Phiếu tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả. Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến có chứng thực điện tử thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra thông tin, gửi tin nhắn xác nhận nộp hồ sơ và hẹn trả kết quả cho người nộp; đồng thời, chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Có thông báo, nêu rõ nội dung, lý do và hướng dẫn cụ thể, đầy đủ một lần để tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ, chính xác. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định: xuất Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho cá nhân, tổ chức và thực hiện luân chuyển theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều này."

- Sửa đổi điểm a, điểm c, điểm d khoản 2 như sau:

"a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cấp có thẩm quyền, cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm chuyển thông tin địa chính thửa đất và hồ sơ kèm theo cho cơ quan thuế."

"c) Trường hợp chưa đủ cơ sở để tính số tiền sử dụng đất và các khoản phải nộp khác thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thuế phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã (trường hợp có nội dung đề nghị khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) để bổ sung hồ sơ.

Sau khi tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ thì cơ quan thuế phải ra thông báo nộp tiền sử dụng đất, xác định đơn giá thuê đất, tính tiền thuê đất và ra thông báo nộp tiền thuê đất, quyết định về việc giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (nếu thuộc trường hợp được giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ bổ sung; đồng thời cơ quan thuế lập hồ sơ theo dõi tình hình thu, nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP.

Sở giao thông báo nộp các khoản nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP.

d) Sau khi nhận được tin nhắn SMS hoặc Zalo thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính từ Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc nhận Thông báo nghĩa vụ tài chính; Quyết định giảm tiền thuê đất (nếu có) bản chính từ bưu điện hoặc cơ quan tiếp nhận hồ sơ, người sử dụng đất thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính bằng hình thức điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc nộp Thông báo nghĩa vụ tài chính bản chính đến các Ngân hàng hoặc Kho bạc (đã nêu tại Thông báo nghĩa vụ tài chính) để thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính trực tiếp. Trường hợp người sử dụng đất thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính bằng hình thức điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hóa đơn thanh toán nghĩa vụ tài chính và chuyển thông tin cho Cơ quan thuế để thông báo hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Trường hợp người sử dụng đất thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước thì Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm chuyển thông tin cho Cơ quan Thuế để Cơ quan Thuế xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Trường hợp người sử dụng đất thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính trực tiếp tại Ngân hàng (được Kho bạc Nhà nước ủy nhiệm thu). Ngân hàng báo cáo kết quả thực hiện về Kho bạc Nhà nước để chuyển thông tin cho Cơ quan Thuế xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định."

- Sửa đổi điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e khoản 3 như sau:

"c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định giá đất cụ thể và văn bản của cơ quan có chức năng quản lý đất đai xác định thời điểm tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với khoản nộp bổ sung (nếu có), cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm chuyển thông tin địa chính thửa đất và hồ sơ kèm theo cho cơ quan thuế."

"d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phiếu chuyển thông tin do cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến, cơ quan thuế xác định tiền sử dụng đất phải nộp, số tiền sử dụng đất được giảm, ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất (Thông báo nộp tiền sử dụng đất thực hiện theo Mẫu số 01a hoặc Mẫu số 01b tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP), xác định đơn giá thuê đất, tính tiền thuê đất phải nộp, số tiền thuê đất được giảm, ban hành thông báo nộp tiền thuê đất (Thông báo nộp tiền thuê đất thực hiện theo Mẫu số 01a hoặc Mẫu số 01b tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP), Quyết

định về việc giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (nếu thuộc trường hợp được giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) theo quy định và gửi cho người sử dụng đất (gửi qua đường bưu điện tới Người sử dụng đất và cơ quan tiếp nhận hồ sơ, tin nhắn SMS; Zalo thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính từ Cổng Dịch vụ công Quốc gia), đồng thời gửi cho cơ quan chuyên Phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Quyết định về việc giảm tiền sử dụng đất thực hiện theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP.

Quyết định về việc giảm tiền thuê đất thực hiện theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP.

Thông báo nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được gửi đồng thời cho Kho bạc Nhà nước cùng cấp để theo dõi, hạch toán theo quy định.”

“đ) Trường hợp chưa đủ cơ sở để tính số tiền sử dụng đất và các khoản phải nộp khác thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thuế phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã (trường hợp có nội dung đề nghị khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) để bổ sung hồ sơ.

Sau khi tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ thì cơ quan thuế phải ra thông báo nộp tiền sử dụng đất, xác định đơn giá thuê đất, tính tiền thuê đất và ra thông báo tính tiền thuê đất, quyết định về việc giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (nếu thuộc trường hợp được giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) chậm nhất sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ bổ sung; đồng thời cơ quan thuế lập hồ sơ theo dõi tình hình thu, nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP.

Số giao thông báo nộp các khoản nghĩa vụ tài chính về đất đai theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP.”

“e) Sau khi nhận được tin nhắn SMS hoặc Zalo thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính từ Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc nhận Thông báo nghĩa vụ tài chính; Quyết định giảm tiền thuê đất (nếu có) bản chính từ bưu điện hoặc cơ quan tiếp nhận hồ sơ, người sử dụng đất thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính bằng hình thức điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc nộp Thông báo nghĩa vụ tài chính bản chính đến các Ngân hàng hoặc Kho bạc (đã nêu tại Thông báo nghĩa vụ tài chính) để thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính trực tiếp.

Trường hợp người sử dụng đất thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính bằng hình thức điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hóa đơn thanh toán nghĩa vụ tài chính và chuyển thông tin cho Cơ quan thuế để thông báo hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Trường hợp người sử dụng đất thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước thì Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm chuyển thông tin cho Cơ quan Thuế để Cơ quan Thuế xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Trường hợp người sử dụng đất thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính trực tiếp tại Ngân hàng (được Kho bạc Nhà nước ủy nhiệm thu). Ngân hàng báo cáo kết quả

thực hiện về Kho bạc Nhà nước để chuyển thông tin cho Cơ quan Thuế xác nhận hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định."

- Sửa đổi điểm b, điểm c, điểm d khoản 4 như sau:

"b) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển hồ sơ quy định tại Điểm a Khoản này cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Căn cứ vào chứng từ, hồ sơ quy định tại điểm b khoản này, trong thời hạn 30 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm rà soát và có văn bản xác nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất gửi cho cơ quan thuế thực hiện việc trừ số tiền ứng trước vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. Trường hợp hồ sơ không đủ thông tin hoặc sai sót, trong thời hạn 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan có chức năng quản lý đất đai, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và người sử dụng đất để bổ sung thông tin và hồ sơ.

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ từ Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan thuế có trách nhiệm xác định và ban hành Thông báo về nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật quản lý thuế."

c) Sửa đổi Điều 8 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 8. Trách nhiệm của Cơ quan tiếp nhận hồ sơ

Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch của Sở *Nông nghiệp* và Môi trường); Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã có trách nhiệm hướng dẫn người sử dụng đất kê khai hồ sơ; tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, thống nhất thông tin của hồ sơ luân chuyển xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai."

d) Sửa đổi Điều 9 của Quy định kèm theo Quyết định:

a) Sửa đổi khoản 3 như sau:

"3. Cơ quan Tài chính

Báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể cấp tỉnh và cấp xã tổ chức thẩm định giá đất theo đề nghị của cơ quan có chức năng quản lý đất đai cùng cấp và gửi kết quả thẩm định cho cơ quan có chức năng quản lý đất đai cùng cấp."

b) Sửa đổi khoản 4 như sau:

"4. Ủy ban Nhân dân cấp xã"

15. Sửa đổi Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai với cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Lào Cai

a) Sửa đổi tên gọi của Quyết định như sau:

"Ban hành Quy chế Phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai với cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan

tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Lào Cai."

b) Sửa đổi Điều 1 như sau:

"Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai với cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Lào Cai."

c) Sửa đổi khoản 1 Điều 1 của Quy chế kèm theo Quyết định như sau:

"1. Quy chế này quy định cơ chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai với cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Lào Cai."

d) Sửa đổi Điều 2 của Quy chế kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.
2. Ủy ban nhân dân cấp xã.
3. Sở Nông nghiệp và Môi trường.
4. Sở Xây dựng, cơ quan có chức năng quản lý về xây dựng cấp xã (*sau đây gọi chung là: cơ quan có chức năng quản lý về xây dựng*).
5. Cơ quan thuế.
6. Cơ quan tài chính.
7. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
8. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã.
9. Các cơ quan, đơn vị khác có liên quan."

d) Sửa đổi Điều 6 của Quy chế kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 6. Trình tự phối hợp và thời gian thực hiện

Trình tự phối hợp và thời gian thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và các quy định về trình tự thực hiện thủ tục hành chính của các cơ quan khác có liên quan."

e) Sửa đổi tên Điều và khoản 1, 2, 3, 4 Điều 7 của Quy chế kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 7. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

"1. Chủ trì, phối hợp cùng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tổ chức thực hiện đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh."

"2. Tổ chức kiểm tra việc đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, đăng ký biến động đất đai tại địa bàn cấp xã để kịp thời giải quyết các vướng mắc trong quá trình

thực hiện, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các đối tượng vi phạm trong công tác đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận."

"3. Chi đạo, kiểm tra Văn phòng đăng ký đất đai, các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai phối hợp chặt chẽ với cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan trong việc giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai."

"4. Chỉ đạo Phòng quản lý đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp thông tin địa chính đầy đủ, kịp thời cho cơ quan thuế, cơ quan tài chính đối với các trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo đúng chức năng, nhiệm vụ."

g) Sửa đổi tên Điều và khoản 5 Điều 8 của Quy chế kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã"

"5. Có văn bản trao đổi với Văn phòng đăng ký đất đai để nhận phối Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất kèm theo báo cáo về việc sử dụng phối Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của kỳ nhận trước đó cho Văn phòng đăng ký đất đai."

Tại thời điểm nhận phối Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất mới, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã phải bàn giao phối Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hòng của kỳ nhận phối trước đó cho Văn phòng đăng ký đất đai; việc bàn giao phối Giấy chứng nhận quyền."

h) Sửa đổi khoản 1 Điều 12 của Quy chế của Quy chế kèm theo Quyết định như sau:

"1. Phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan quản lý đất đai cấp xã hướng dẫn thủ tục kê khai thuế theo mẫu biểu quy định cho người yêu cầu đăng ký. Trường hợp người sử dụng đất thuộc đối tượng được giảm tiền sử dụng đất thì hướng dẫn đối tượng nộp các loại giấy tờ theo quy định của pháp luật hiện hành."

i) Sửa đổi Điều 13 của Quy chế kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan tài chính"

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi Cục thuế khu vực VIII, Sở Xây dựng, Ban Quản lý khu kinh tế, và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện việc xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất (nếu có) khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất."

k) Sửa đổi Điều 14 của Quy chế kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan quản lý về nông nghiệp và môi trường các cấp"

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất giải quyết các vướng mắc thuộc lĩnh vực nông nghiệp, môi trường; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giải quyết kịp thời đối với các trường hợp vượt thẩm quyền."

l) Bãi bỏ Điều 17; sửa đổi Điều 18 của Quy chế kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn đối với cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã. Kịp thời xử lý các hồ sơ cấp không đúng trình tự, thủ tục theo pháp luật (cấp sai đối tượng, cấp không đúng hiện trạng...).

2. Chỉ đạo cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã tổng hợp, rà soát các trường hợp tồn tại phát sinh trong quá trình đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận; đề xuất hướng giải quyết, xử lý và lập hồ sơ quản lý theo quy định.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản về Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai về việc đã thụ lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn.

Trường hợp không gửi kịp thời trong thời gian quy định, người sử dụng đất thực hiện đăng ký biến động tại Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm về hậu quả xảy ra (nếu có) theo quy định pháp luật.

4. Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành pháp luật đất đai của tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kịp thời xử lý vi phạm hành chính đất đai, đồng thời gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, xây dựng đến Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật làm cơ sở xem xét khi giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

5. Chỉ đạo cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai trong việc xác định các nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai ở địa phương và xây dựng kế hoạch thực hiện các thủ tục hành chính trong đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chỉnh lý biến động, xây dựng và quản lý hồ sơ địa chính cơ sở dữ liệu địa chính trình cấp thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

6. Hướng dẫn việc thực hiện các thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với các cơ quan chuyên môn cấp xã.

7. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật liên quan đến việc đăng ký đất đai và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trên địa bàn cấp xã.

8. Thực hiện niêm yết công khai về việc mất Giấy chứng nhận đã cấp theo quy định đối với hồ sơ cấp lại do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển đến; lập biên bản kết thúc niêm yết và gửi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đảm bảo đúng thời gian theo quy định.

Trường hợp quá thời gian quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản xin lỗi người yêu cầu đăng ký gửi kèm biên bản kết thúc niêm yết đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để thông báo cho người đề nghị đăng ký biết.

9. Thực hiện niêm yết công khai về việc làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển quyền đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà thửa đất đó đã có Giấy chứng nhận và bên nhận chuyển quyền sử dụng đất chỉ có Giấy chứng nhận đã cấp cho thửa đất kèm theo giấy tờ về việc nhận chuyển quyền sử dụng đất hoặc chỉ có hợp đồng, văn bản về chuyển quyền sử dụng đất đã lập theo quy định nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định khi nhận được thông báo từ Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai gửi đến.

Sau thời gian niêm yết công khai, lập biên bản kết thúc và gửi về Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để tiếp tục thực hiện theo quy định.

10. Thực hiện các công việc quy định tại Điều 33 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ trong trường hợp Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai gửi hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận đã cấp mà thửa đất gốc đã có Giấy chứng nhận.

11. Quản lý phân diện tích đất Nhà nước thu hồi giao quản lý theo quy định.

12. Chịu trách nhiệm xác nhận về: Nguồn gốc tạo lập nhà ở, công trình xây dựng (tự xây dựng hay nhận chuyển quyền tại thời điểm nào), tình trạng tranh chấp, thời điểm xây dựng (trường hợp nhà ở xây dựng năm 2006 thì xác nhận cụ thể trước ngày 01/7/2006 hay từ sau ngày 01/7/2006; công trình xây dựng năm 2004 thì xác nhận cụ thể trước ngày 01/7/2004 hay từ sau ngày 01/7/2004) đối với trường hợp có yêu cầu đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký mà thuộc trường hợp không phải xin phép xây dựng hoặc không có một trong các loại giấy tờ chứng minh việc tạo lập hợp pháp nhà ở (theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 62/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú).

13. Kiểm tra, lập danh sách các tổ chức sử dụng đất trên địa bàn chưa đăng ký, cấp Giấy chứng nhận báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường."

m) Sửa đổi tên Điều và khoản 1 Điều 19 của Quy chế kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 19. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp cùng các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức rà soát sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính trên địa bàn, xác định, tổng hợp nhu cầu thực hiện đo đạc lập bản đồ địa chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khu vực, phạm vi cần đo đạc lập bản đồ địa chính."

n) Sửa đổi Điều 20 của Quy chế kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 20. Trách nhiệm của cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã

1. Phối hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai rà soát sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính trên địa bàn, xác định, tổng hợp nhu cầu thực hiện đo đạc lập bản đồ địa chính để tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khu vực, phạm vi cần lập bản đồ địa chính.

2. Thực hiện trách nhiệm theo phân cấp trong việc đo đạc lập bản đồ địa chính; quản lý, sử dụng, chỉnh lý biến động, kiểm tra nghiệm thu sản phẩm bản đồ địa chính tại địa phương.

3. Tham mưu cho UBND cấp xã thực hiện phối hợp với các đơn vị tư vấn đo đạc theo quy định để đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính thửa đất đối với trường hợp Người sử dụng đất chưa được cấp Giấy chứng nhận, tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông.

4. Trường hợp phát hiện có sai sót các yếu tố khác liên quan đến nội dung bản đồ địa chính thì ban hành văn bản gửi Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện chỉnh lý bản đồ địa chính.

5. Phối hợp Cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn nơi có công trình, khu vực rà soát hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực để kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các trường hợp sử dụng đất trong hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực.

6. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã trường hợp xác định lại diện tích đất ở theo quy định tại khoản 6 Điều 141 của Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024.

7. Thực hiện lưu trữ bản đồ địa chính và các tài liệu liên quan đến sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính cấp xã, các sản phẩm bản đồ địa chính được kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.

Trường hợp trích đo địa chính thửa đất phục vụ các mục đích quản lý đất đai khác thì sản phẩm giao nộp cho Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính."

o) Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 21 của Quy chế kèm theo Quyết định như sau:

"d) Kiểm tra, ký duyệt mảnh trích đo bản đồ địa chính phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 5 Điều 9 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ."

p) Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 22 của Quy chế kèm theo Quyết định như sau:

"a) Kiểm tra, ký duyệt mảnh trích đo bản đồ địa chính phục vụ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã."

q) Bãi bỏ Điều 23; sửa đổi Điều 24 của Quy chế kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Đối với hoạt động đo đạc lập bản đồ địa chính và chỉnh lý bản đồ địa chính:

a) Báo cáo, đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc đo đạc lập bản đồ địa chính và việc quản lý, sử dụng, chỉnh lý biến động, kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm bản đồ địa chính tại địa phương.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc thực hiện kiểm tra, giám sát việc đo đạc lập bản đồ địa chính và quản lý, sử dụng, chỉnh lý biến động bản đồ địa chính tại địa phương.

c) Chỉ đạo cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Điều 20 của Quy chế này.

d) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã được giao làm chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức khảo sát khu vực đo đạc lập bản đồ địa chính, lập, trình phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ; chủ đầu tư dự án, nhiệm vụ được lựa chọn đơn vị tư vấn lập thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án nhiệm vụ để thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai.

đ) Phối hợp, hỗ trợ đơn vị đo đạc và đơn vị giám sát, kiểm tra, nghiệm thu trong quá trình thực hiện theo thiết kế kỹ thuật - dự toán hoặc phương án nhiệm vụ đo đạc lập bản đồ địa chính đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Chỉ đạo người dẫn đạc phối hợp với đơn vị đo đạc, cung cấp hồ sơ về thửa đất; chỉ dẫn, xác định ranh giới, mốc giới thửa đất tại thực địa; ký xác nhận ranh giới, mốc giới, thông tin thửa đất và chịu trách nhiệm với việc chỉ dẫn, ký xác nhận của mình; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã tình hình đo đạc lập bản đồ địa chính và việc quản lý, sử dụng, biến động bản đồ địa chính tại địa phương; ký xác nhận bản đồ địa chính, mảnh trích đo bản đồ địa chính theo quy định; quản lý, bảo vệ điểm địa chính trên địa bàn.

f) Vận động, tuyên truyền người sử dụng đất, người sử dụng đất liền kề, người quản lý đất, người quản lý đất liền kề có trách nhiệm phối hợp với đơn vị đo đạc, cung cấp hồ sơ về thửa đất; chỉ dẫn, xác định ranh giới, mốc giới thửa đất tại thực địa; ký xác nhận ranh giới, mốc giới, thông tin thửa đất và chịu trách nhiệm với việc chỉ dẫn, ký xác nhận của mình.

2. Đối với công tác đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính:

a) Chỉ đạo cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã thực hiện trách nhiệm theo phân cấp trong việc đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính.

b) Chỉ đạo người dẫn đạc phối hợp với đơn vị đo đạc, cung cấp hồ sơ về thửa đất; chỉ dẫn, xác định ranh giới, mốc giới thửa đất tại thực địa; ký xác nhận ranh giới, mốc giới, thông tin thửa đất và chịu trách nhiệm với việc chỉ dẫn, ký xác nhận của mình; ký xác nhận biên bản đối với trường hợp người sử dụng đất sử dụng ranh giới, vị trí thửa đất bị thay đổi, sai sót về thông tin thửa đất hoặc có tranh chấp theo quy định.

c) Ký xác nhận biên bản đo đạc đối với các trường hợp chênh lệch diện tích giữa số liệu đo đạc thực tế so với số liệu ghi trên Giấy chứng nhận hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất. Thời gian ký xác nhận biên bản cùng ngày ký xác nhận thông báo kết thúc niêm yết công khai bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất.

d) Ký xác nhận các biên bản xác minh hiện trạng sử dụng đất tại địa phương."

q) Sửa đổi tên Điều 26 của Quy chế kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 26. Trách nhiệm của cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã"

r) Sửa đổi khoản 3 Điều 27 của Quy chế kèm theo Quyết định như sau:

"3. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc vận hành, khai thác và cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai cho các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai; cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã.

s) Bãi bỏ Điều 29; sửa đổi Điều 30 của Quy chế kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 30. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Phối hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện chỉnh lý, cập nhật biên động bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính và chỉnh lý biên động bản đồ địa chính, hồ sơ địa chính và các tài liệu khác có liên quan theo quy định.

2. Chỉ đạo cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã chuyển các hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

3. Cung cấp thông tin tình hình biến động đất đai, thông tin tranh chấp đất đai trên địa bàn cho Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai."

t) Sửa đổi Điều 32 của Quy chế kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 32. Trách nhiệm của Văn phòng đăng ký đất đai

Thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo sự chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và Môi trường."

u) Sửa đổi bổ sung Điều 33 của Quy chế kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 33. Trách nhiệm của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

Phối hợp với phòng chuyên môn Ủy ban nhân dân cấp xã trong thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai theo quy định."

v) Sửa đổi Điều 35 của Quy chế kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 35. Trách nhiệm của phòng (ban) có chức năng quản lý đất đai cấp xã

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện công tác thống kê, kiểm kê theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường và quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp tài liệu, số liệu theo quy định để phục vụ nhiệm vụ thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

3. Phối hợp với Hạt Kiểm lâm khu vực để được cung cấp tài liệu, số liệu, bản đồ hiện trạng rừng theo quy định phục vụ công tác thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; thẩm định kết quả của cấp xã; thống nhất số liệu về diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn.

4. Kiểm tra kết quả thống kê, kiểm kê đất đai của cấp xã, tự kiểm tra và trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kết quả thống kê, kiểm kê đất đai cấp xã."

x) Bãi bỏ Điều 34, sửa đổi Điều 36 của Quy chế kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 36. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Chỉ đạo cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác thống kê, kiểm kê đất đai; ký duyệt biểu thống kê, kiểm kê đất đai, bản

đồ hiện trạng sử dụng đất và báo cáo kết quả thống kê, kiểm kê đất đai cấp xã gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

Đề nghị Hạt Kiểm lâm khu vực cung cấp tài liệu, số liệu, bản đồ hiện trạng rừng theo quy định để phục vụ công tác thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Phối hợp cùng cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã trong việc thẩm định kết quả của cấp xã; thống nhất số liệu về diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn."

16. Sửa đổi một số điều của Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh Lào Cai, ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác chia sẻ và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường; cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai

a) Sửa đổi khoản 3 Điều 7 của Quy chế kèm theo Quyết định như sau:

"3. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp xã."

b) Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 11 của Quy chế kèm theo Quyết định như sau:

"a) Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường (sau đây gọi chung là cấp xã) truy cập trực tiếp vào hệ thống cơ sở dữ liệu, thông qua hệ thống phần mềm ứng dụng trên hạ tầng mạng LAN, WAN hoặc hệ thống mạng số liệu chuyên dùng nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh;

c) Sửa đổi Điều 16 của Quy chế kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh.

2. Chỉ đạo cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn xã, phường; cung cấp dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thông qua Văn phòng Đăng ký đất đai theo quy định.

17. Sửa đổi một số điều của Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của UBND tỉnh Lào Cai Quy định một số nội dung về hỗ trợ đất ở và định mức đất sản xuất để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai

a) Sửa đổi khoản 3 Điều 1 như sau:

"3. Hỗ trợ đất ở

Căn cứ quỹ đất, điều kiện thực tế từng dự án và nhu cầu của hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định diện tích đất ở

cho từng hộ, đảm bảo theo nguyên tắc không thấp hơn diện tích tối thiểu và không vượt quá diện tích tối đa như sau:

STT	Nội dung	Diện tích tối thiểu	Diện tích tối đa
1	Khu vực đô thị	60 m ² /hộ	100 m ² /hộ
2	Khu vực nông thôn đã có các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh, đường trục xã, đường liên xã	80 m ² /hộ	150 m ² /hộ
3	Khu vực nông thôn khác còn lại	150 m ² /hộ	400 m ² /hộ

18. Sửa đổi một số điều của Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai

a) Bãi bỏ Điều 6 Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

b) Sửa đổi Điều 7 Quy định ban hành kèm theo Quyết định như sau:

"Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Tổ chức triển khai thực hiện quy định này.

2. Tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy định này trên địa bàn; chỉ đạo các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi, các đơn vị có liên quan trên địa bàn thực hiện quy định này.

3. Thực hiện bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương theo quy định của pháp luật, xử lý các hành vi vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền. Phối hợp với các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thực hiện cắm mốc và quản lý mốc giới phạm vi vùng phụ cận công trình khi được bàn giao.

4. Giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương theo quy định của pháp luật;

5. Tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, giao đất theo thẩm quyền.

6. Phối hợp kịp thời với các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trong việc rà soát hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi vùng phụ cận công trình để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định.

7. Kịp thời xử lý những hành vi lấn, chiếm, sử dụng trái phép phạm vi vùng phụ cận công trình trên địa bàn theo thẩm quyền. Trường hợp vượt thẩm quyền xử lý thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền để xử lý kịp thời.

8. Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) về tình hình vi phạm và công tác xử lý vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn."

19. Sửa đổi một số điều của Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của UBND tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định nội dung, mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Lào Cai

a) Sửa đổi điểm d khoản 3 Điều 4 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"d) Hỗ trợ diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp: Mức hỗ trợ căn cứ theo dự toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối của Quỹ, không quá 1.000.000.000 đồng/năm đối với cấp tỉnh, không quá 50.000.000 đồng/cuộc/năm đối với cấp xã (không quá 01 cuộc/năm/xã, không quá 02 xã/năm);"

b) Sửa đổi khoản 1, 2 Điều 5 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ cho Ủy ban nhân dân cấp xã như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã giữ lại 28% số thu trên địa bàn để hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu (không quá 5%); chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu quỹ (không quá 3%) và chi thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã (không quá 20%). Số tiền thu quỹ còn lại (72% số thu trên địa bàn) nộp vào tài khoản ở cấp tỉnh. Đối với các xã khu vực III, mức phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai bằng với mức phân bổ thấp nhất của một xã trên địa bàn tỉnh.

b) Sau khi các cơ quan, đơn vị có báo cáo quyết toán kinh phí, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thu hồi khoản phân bổ nếu còn dư hoặc quyết định phân bổ khi nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã đã sử dụng hết.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm về các khoản chi từ Quỹ được phân bổ và báo cáo về Cơ quan quản lý Quỹ tỉnh Lào Cai (sau đây viết tắt là Cơ quan quản lý Quỹ) để theo dõi, quản lý."

c) Sửa đổi khoản 1 Điều 6 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"1. Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, tổ chức xét duyệt quyết toán đối với số được phân bổ theo Điều 5 Quy định này và gửi thông báo xét duyệt quyết toán, báo cáo quyết toán quỹ về Cơ quan quản lý Quỹ trước ngày 30 tháng 01 để tổng hợp chung."

d) Sửa đổi khoản 1 Điều 7 của Quy định kèm theo Quyết định như sau:

"1. Tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan; tổ chức kiểm tra, rà soát, báo cáo nội dung hỗ trợ, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định."

Điều 4. Bãi bỏ toàn bộ 07 Quyết định

(Chi tiết các Quyết định được bãi bỏ theo Phụ lục số II đính kèm)

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các cơ quan, đơn vị được phân công nhiệm vụ tại các Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường được sửa đổi tại Quyết định này thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại theo quyết định của cấp thẩm quyền thì căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị cũ chuyển giao cho cơ quan, đơn vị mới; cơ quan, đơn vị mới tiếp tục thực hiện việc quản lý nhà nước đối với chức năng, nhiệm vụ mới được giao theo quy định của Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 30 tháng 6 năm 2025.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan; UBND xã, phường và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và MT;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- TT. Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Công báo Lào Cai;
- Báo Lào Cai;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- BBT CTTĐT tỉnh Lào Cai;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, TN1

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Sinh

Phụ lục số I
Danh mục các Quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường được sửa đổi, bổ sung
(Kèm theo Quyết định số 59 /2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

1. Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
2. Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Ban hành quy định phân cấp quản lý, phê duyệt công bố công khai quy trình vận hành, phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
3. Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định về phân công trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn đập, hồ chứa nước do tỉnh Lào Cai quản lý.
4. Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 20/01/2025 của UBND tỉnh Lào Cai Quy định mức chi trả tiền Dịch vụ môi trường rừng đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và cơ sở nuôi trồng thủy sản; các nội dung chi khác của chi không thường xuyên từ nguồn dịch vụ môi trường rừng tại Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lào Cai.
5. Sửa đổi một số điều của Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 31/5/2022 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
6. Quyết định số 34/2025/QĐ-UBND ngày 15/3/2025 của UBND tỉnh Lào Cai Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Bảng giá đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
7. Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 28/2/2025 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định cụ thể các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất, mức độ chênh lệch tối đa của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất và một số chỉ tiêu ước tính tổng doanh thu phát triển, tổng chi phí phát triển của thửa đất, khu đất thực hiện dự án trong xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
8. Sửa đổi một số điều của Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 20/8/2024 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
9. Quyết định số 39/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ, thời điểm xem xét đề tách thành dự án độc lập đối với phần diện tích đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước

quản lý trong khu vực thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

10. Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với các hành vi hủy hoại đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

11. Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thẩm định hồ sơ trình để giao đất ở không đấu giá quyền sử dụng đất cho cá nhân trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

12. Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh ban hành hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại nông thôn, tại đô thị; hạn mức công nhận đất ở; hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang, không có tranh chấp; hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân; diện tích đất để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp đối với đất nông nghiệp kết hợp đa mục đích; điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất; hạn mức và quyết định diện tích đất giao cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

13. Quyết định số 41/2024/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 của UBND tỉnh Lào Cai Quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Lào Cai đối với đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

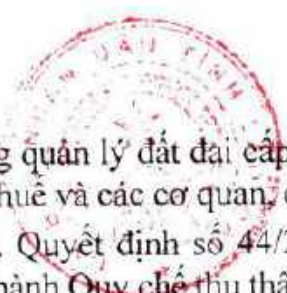
14. Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của UBND tỉnh Lào Cai Quy định những giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

15. Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định việc rà soát, công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

16. Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số nội dung về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

17. Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Lào Cai

18. Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai với cơ quan có



chức năng quản lý đất đai cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

19. Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh Lào Cai, ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác chia sẻ và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường; cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Lào Cai.

20. Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định về đơn giá để áp dụng bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

21. Quyết định số 44/2025/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 của UBND tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung một số nội dung của phụ lục 01 và phụ lục 02 ban hành kèm theo Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2024 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành quy định về đơn giá để áp dụng bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

22. Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của UBND tỉnh Lào Cai Quy định một số nội dung về hỗ trợ đất ở và định mức đất sản xuất để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

23. Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

24. Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 19/4/2023 của UBND tỉnh Lào Cai Quy định giá nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

25. Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định cụ thể bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng khu khai thác khoáng sản và khu khai thác tài nguyên thiên nhiên khác; khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng chống thiên tai, giao thông, điện lực và công trình hạ tầng kỹ thuật khác và tiêu chí bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với công trình, nhà ở thuộc quyền sở hữu của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

26. Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 22/3/2022 của UBND tỉnh Lào Cai quy định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

27. Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của UBND tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định nội dung, mức chi Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Lào Cai.



Phụ lục số II

Danh mục các Quyết định quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Lào Cai ban hành được bãi bỏ

(Kèm theo Quyết định số 59 /2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

1. Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định trình tự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ, xác định, thu nộp nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
2. Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh Lào Cai, ban hành quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Lào Cai.
3. Quyết định số 148/2016/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định trình tự kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc; thu hồi đất vắng chủ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
4. Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh Lào Cai sửa đổi một số điều của Quy định trình tự kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc; thu hồi đất vắng chủ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 148/2016/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của UBND tỉnh Lào Cai.
5. Quyết định số 47/2015/QĐ-UBND ngày 05/10/2015 của UBND tỉnh Lào Cai Ban hành quy định về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục và thời gian các bước thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
6. Quyết định số 66/2014/QĐ-UBND ngày 14/11/2014 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành quy định một số nội dung quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
7. Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh Lào Cai sửa đổi và bãi bỏ một số nội dung của Quyết định số 66/2014/QĐ-UBND ngày 14/11/2014 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành quy định một số nội dung quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.